

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 2298 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Nhà học bộ môn Trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư mở rộng, nâng cấp các trường trung học phổ thông năm 2017 để đạt chuẩn quốc gia vào năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3431/SXD-HĐXD ngày 29/6/2017 (kèm theo hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà học bộ môn Trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa); của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 891/TTr- SGDDT ngày 28/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà học bộ môn Trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nhà học bộ môn Trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 03 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 9,30x35,1m (tính từ tim đến tim trục); chiều cao tầng 1, 2 và tầng 3 là 3,6m; chiều cao mái là 2,4m; chiều cao công trình tính 13,65m (tính từ cos sân hoàn thiện đến đỉnh mái); cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos mặt sân hoàn thiện là 0,45m.

- Mặt bằng tầng 1 gồm phòng học sinh học + phòng chuẩn bị; phòng học hóa học + phòng chuẩn bị và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Mặt bằng tầng 2 gồm phòng học tin học + phòng chuẩn bị; phòng công nghệ + phòng chuẩn bị và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Mặt bằng tầng 3 gồm phòng học ngoại ngữ + phòng chuẩn bị; phòng học vật lý + phòng chuẩn bị và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Giao thông đứng bằng 01 thang bộ rộng 3,9m, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,1m.

- Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát trong và ngoài nhà VXM mác 75, trát trần, trát tường ngoài nhà, cột, dầm vữa XM mác 75; tường, trần lăn sơn trực tiếp; riêng khu vệ sinh ốp gạch men kính kích thước 250x400.

- Nền, sàn các phòng lát gạch ceramic kích thước 500x500mm; khu vệ sinh lát gạch chống trơn 250x250mm.

- Mái công trình lợp tôn dày 0,4mm, xà gỗ thép U80x40x3mm, tường xây thu hồi.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng bằng cửa nhựa lõi thép gia cường, kính trắng dày 6,38mm; hoa sắt bảo vệ kích thước 12x12mm.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng Băng BTCT đá 1x2 mác 200; dầm giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tường móng xây gạch tiêu chuẩn mác 75.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x600mm, 220x300mm; tiết diện cột điển hình 220x350mm, 220x220mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Hệ thống điện được lấy từ tủ điện tổng hiện có của trường bằng cáp Cu/XLPE/PVC (3x16+1x10)mm² đến tủ điện tổng; cáp nội bộ dùng Cu/XLPE/PVC (2x10)mm²; dây dẫn trong nhà dùng dây Cu/PVC (2x2,5)mm² và (2x1,5)mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 14$ dài 1000mm, dây thu sét thép $\phi 10$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,7m; dây tiếp địa bằng thép dẹt 40x4mm.

d) Giải pháp cấp thoát nước:

- Nước cấp cho công trình được lấy từ bể nước ngầm bơm lên téc nước inox trên mái; sau đó cấp đến các thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh.

- Thoát nước thải từ xí, tiêu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung; nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

đ) Giải pháp phòng cháy chữa cháy:

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình gồm: Hệ thống chữa cháy tại chỗ và hệ thống chữa cháy bằng nước.

- Hệ thống chữa cháy tại chỗ gồm: hộp đựng bình chữa cháy, bình bột chữa cháy MFZ4-ABC, bình chữa cháy CO₂-MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt bên trong nhà; Hệ thống đầu báo cháy, báo khói được lắp đặt trên trần nhà.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước gồm: hộp chữa cháy, họng nước chữa cháy vách tường, lăng phun, vòi phun, van khóa, máy bơm, trụ chữa cháy ngoài nhà.

- Bể nước phòng cháy chữa cháy có khối tích 135m³ dùng chung với khối nhà đa năng.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 3431/SXD- HĐXD ngày 29/6/2017)

6. Tổng mức đầu tư: 6.432.339.000 đồng. (Bằng chữ: Sáu tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Trong đó:

- | | |
|------------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 5.091.270.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án | 151.904.983 đồng; |
| - Chi phí TVĐTXD công trình: | 618.202.753 đồng; |
| - Chi phí khác: | 264.659.443 đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 306.301.859 đồng. |

(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh từ nguồn vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật .

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước

tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

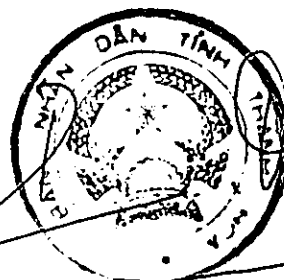
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

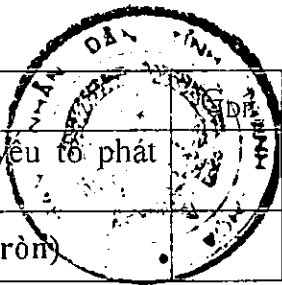


Phạm Đăng Quyền

Bảng ước TÍNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Công trình: Nhà học bộ môn Trường THPT Triệu Sơn 2,
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền (đồng)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		5.091.270.000
1	Phần xây dựng		Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng	4.885.012.000
2	Phần phòng cháy chữa cháy		Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng	206.258.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđ	$(G_{XD})^{\text{trước VAT}} \times 3,282\%$	151.904.983
III	CHI PHÍ TVĐT XÂY DỰNG	Gtv		618.202.753
1	Chi phí khảo sát địa chất + địa hình		Theo văn bản số: 983/SXD-BPTĐT ngày 07/3/2017 của Sở Xây dựng	140.774.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 4,496\%$	228.903.499
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,258\%$	13.135.477
4	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,250\%$	12.728.175
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	21.994.286
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	167.248.220
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		$20\% \times G_{qlđ}$	33.419.096
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		264.659.443
1	Chi phí bảo hiểm công trình (tỷ lệ % tạm tính)		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	4.073.016
2	Chi phí hạng mục chung		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,500\%$	178.194.450
3	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật		$TMĐT \times 0,019\%$	1.235.000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$TMĐT \times 0,860\%$	55.900.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	4.628.427
6	Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy		$TMĐT \times 0,0096\%$	628.550
7	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Tạm tính)		Theo văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013	20.000.000



V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		306.301.859
I	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh	$(I+II+III+IV+V) \times 5\%$	306.301.859
	Tổng cộng (làm tròn)		6.432.339.000